

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **104/2025/KDTM-PT**

Ngày: 28 - 4 - 2025.

V/v tranh chấp hợp đồng

Đại lý phân phối.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Mai Thị Thanh Tú

Các Thẩm phán:

1/ Bà Ngô Thị Phúc Hảo

2/ Ông Huỳnh Ngọc Quyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Kim Oanh- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 76/KDTMPT ngày 24/02/2025 về việc:” Tranh chấp hợp đồng đại lý phân phối”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 198/2024/KDTM-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1937/2025/QĐXX-PT ngày 08/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Nước giải khát S Việt Nam;

Địa chỉ: Cao ốc Shetaron, số 88 đường K, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Phạm Hữu Đ, sinh năm: 1993; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1, đường số 3, khu phố 39, phường C, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số: 02602.2/2025/GUQ ngày 26 tháng 02 năm 2025).

Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Tuệ M;

Địa chỉ: Thôn 1 Trung Hòa, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Bà Lê Thị T, sinh năm: 1962. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Giấy đăng ký doanh nghiệp số: 2801944349, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 04 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp.

Do có kháng cáo của Bị đơn Công ty Tuệ M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 6 năm 2022 và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 31 tháng 12 năm 2018, Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát S Việt Nam tại Hà Nội (gọi tắt Chi nhánh Công ty S) và Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Tuệ M (gọi tắt Công ty Tuệ M) ký hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm số: LDMS.117.2018.0016 (gọi tắt hợp đồng), để bị đơn nhận phân phối sản phẩm cho Chi nhánh Công ty S theo phụ đính 1 đính kèm danh mục sản phẩm nước giải khát được cung cấp cho bị đơn mang nhãn hiệu Pepsi, 7Up, Mirinda, Evervess, Aquafina, Sting,... Bị đơn mua sản phẩm và thanh toán cho Chi nhánh Công ty S theo các hình thức thanh toán trong phụ đính 3 - quản lý công nợ. Đồng thời, bị đơn cam kết thực hiện việc bán sản phẩm hàng ngày cho các điểm bán trong tuyến bán hàng trong bản đồ khu vực được thống nhất theo phụ đính 2 – khu vực và kế hoạch tuyến đường bên bán hàng đính kèm; thời hạn hợp đồng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Ngoài ra, hợp đồng các bên còn thỏa thuận các điều khoản khác.

Thực hiện hợp đồng, bị đơn là nhà phân phối sản phẩm nước giải khát của Chi nhánh Công ty S. Chi nhánh Công ty S bán hàng cho bị đơn theo hình thức mua trả chậm và cho mượn vỏ két, pallet... (bao bì), hạn mức trả chậm, thời gian trả chậm tùy vào hiệu quả kinh doanh của bị đơn nhưng phù hợp với chính sách bán hàng trả chậm của Chi nhánh Công ty S, được Chi nhánh Công ty S thông báo đến bị đơn trong từng thời kỳ. Việc hoàn trả vỏ két cũng được áp dụng theo chính sách tương ứng của Chi nhánh Công ty S. Trường hợp chấm dứt hợp đồng, bên mua hàng phải hoàn thành nghĩa vụ trả nợ tiền hàng theo chính sách mua hàng trả chậm và hoàn trả bao bì mượn ngay khi hợp đồng chấm dứt theo thư nhắc nợ Chi nhánh Công ty S gửi cho bị đơn.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, bị đơn có đơn đề nghị thanh lý hợp đồng, chấm dứt hợp đồng kể từ ngày 28 tháng 02 năm 2022. Ngày 04 tháng 01 năm 2022, bị đơn đã xác nhận công nợ với Chi nhánh Công ty S (thư xác nhận công nợ). Ngày 26 tháng 4 năm 2022, Chi nhánh Công ty S và bị đơn tiến hành họp để trao đổi và thống nhất kế hoạch trả nợ. Tuy nhiên, dù đã thống nhất kế hoạch trả nợ nhưng bị đơn không trả nợ theo cam kết nên ngày 23 tháng 02 năm 2022 Chi nhánh Công ty S đã gửi thư đề nghị thanh toán công nợ nhưng bị đơn vẫn không thanh toán. Theo đây, bị đơn còn nợ số tiền 1.261.181.728 đồng, sau khi trừ số tiền bị đơn đã ký quỹ 149.430.000 đồng, số tiền Chi nhánh Công ty S hỗ trợ khuyến mãi 20.000.000 đồng và số tiền khác nên số tiền nợ còn lại bị đơn phải thanh toán là 918.860.759 đồng (bao gồm: tiền nợ của 85.503 vỏ chai; tiền

nợ của 3.581 két nhựa (đế nhựa) và nợ tiền hàng sau khi trừ số vào số tiền đã ký quỹ và số tiền Chi nhánh Công ty S hỗ trợ khuyến mãi).

Do đó, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị trả số tiền hàng còn nợ là 918.860.759 đồng.

**** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn vắng mặt, nhưng trong văn bản ghi ý kiến ngày 27 tháng 7 năm 2022, ngày 09 tháng 11 năm 2022, ngày 05 tháng 5 năm 2023 và trong biên bản hoà giải ngày 05 tháng 9 năm 2022 tại Toà án nhân dân huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá, có bà Lê Thị T đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày:***

Ngày 31 tháng 12 năm 2018, bị đơn ký hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm số: LDMS.117.2018.0016 với Chi nhánh Công ty S, thời hạn hợp đồng tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. Sản phẩm Suntory S nhận phân phối cho bị đơn là mặt hàng nước giải khát. Ngày 25 tháng 3 năm 2022, Chi nhánh Công ty S gửi thư thông báo nợ, có nội dung tính đến hết ngày 25 tháng 3 năm 2022 công nợ tiền hàng của bị đơn tổng số tiền là 1.063.224.685 đồng. Bị đơn đã gửi email phản hồi cho Chi nhánh Công ty S về khoản tiền công nợ theo thông báo Chi nhánh Công ty S gửi là chưa chính xác, bị đơn được đề nghị đối chiếu, kiểm tra chứng từ, đồng thời Chi nhánh Công ty S có chính sách hỗ trợ các khoản cụ thể cho bị đơn do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19 trong những năm qua.

Sau khi nhận được email phản hồi của bị đơn về đối chiếu công nợ và áp dụng các chính sách hỗ trợ của Chi nhánh Công ty S. Ngày 26 tháng 4 năm 2022, các bên đã có buổi làm việc và qua đối chiếu các chứng từ bị đơn chỉ còn nợ Chi nhánh Công ty S số tiền 576.822.187 đồng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19 việc tiêu thụ, phân phối sản phẩm bị ảnh hưởng nghiêm trọng nên phải lưu kho, dẫn đến hàng gần hết hạn sử dụng hoặc hàng quá hạn sử dụng theo bảng kiểm kê hàng tồn ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Chi nhánh Công ty S. Do đó, khi quyết toán số công nợ Chi nhánh Công ty S phải trừ khoản tiền ký quỹ 149.430.000 đồng (bị đơn nhận lại số tiền này khi hoàn trả lại toàn bộ vỏ két và palet); khoản tiền hỗ trợ xử lý hàng gần hết hạn sử dụng 45.062.783 đồng; khoản tiền xử lý hàng hết hạn sử dụng 68.400.028 đồng; khoản tiền bảo hiểm xã hội cho DCR tháng 11, 12 năm 2021 và tháng 01, 02 năm 2022 là 20.000.000 đồng/4 tháng (mỗi tháng 5.000.000 đồng); số tiền lương admin 2.500.000 đồng (tháng 02 năm 2022); số tiền quyết toán công nợ, hỗ trợ tính đến hết ngày 18 tháng 7 năm 2022 là 20.659.070 đồng, nên tổng số tiền bị đơn đề xuất được hỗ trợ là 156.621.881 đồng. Vì vậy, bị đơn chỉ còn Chi nhánh Công ty S số tiền 270.770.306 đồng (576.822.187 đồng - 149.430.000 đồng - 156.621.881 đồng = 270.770.306 đồng).

Mặt khác, các bên vẫn chưa chốt xong công nợ, số tiền 918.860.759 đồng Chi nhánh Công ty S yêu cầu bị đơn trả là chưa chính xác, đồng thời các bên chưa thanh lý hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Bị đơn yêu cầu được đối trừ công nợ theo văn

bản làm việc ngày 04 tháng 8 năm 2022, số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn ngày 12 tháng 8 năm 2022 là 270.770.306 đồng, tiền khuyến mại là 20.659.070 đồng, tiền ký quỹ 149.430.000 đồng, tiền hỗ trợ cận hạn sử dụng và tiền xử lý hàng hết hạn sử dụng là 56.731.405 đồng, tiền bảo hiểm xã hội 10.000.000 đồng của tháng 01, 02 năm 2022 nên số tiền bị đơn còn nợ là 75.411.406 đồng. Riêng số vô kết, để nhựa bị đơn nhận bàn giao trên thị trường từ nhiều nhà phân phối khác nhau, không được nhận trực tiếp từ nguyên đơn thì bị đơn trả lại thị trường cho nguyên đơn, nguyên đơn phải xóa nợ vô kết, để nhựa cho bị đơn.

*** *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 198/2024/KDTM-ST ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân Quận 1 đã tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Nước giải khát S Việt Nam:

1.1. Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Tuệ M trả cho Công ty TNHH Nước giải khát S Việt Nam số tiền hàng còn nợ là 241.258.721đ (hai trăm bốn mươi một triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm hai mươi một đồng) theo hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm số: LDMS.117.2018.0016 ký ngày 31 tháng 12 năm 2018 và các phụ đính, đính kèm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

1.2. Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Tuệ M trả cho Công ty TNHH Nước giải khát S Việt Nam 85.503 (tám mươi lăm nghìn, năm trăm lẻ ba) vỏ chai và 3.581 (ba nghìn, năm trăm tám mươi một) để nhựa (kết nhựa).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, hoãn thi hành án.

Ngày 15/10/2024 Bị đơn Công ty Tuệ M kháng cáo bản án sơ thẩm.

*** *Tại phiên tòa Phúc thẩm:***

* Nguyên đơn Chi nhánh Công ty S yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm và yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

* Bị đơn Công ty Tuệ M kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Chi nhánh Công ty S, cụ thể là buộc Công ty Tuệ M thanh toán cho Chi nhánh Công ty S số tiền hàng còn nợ là 70.514.806 đồng, bác yêu cầu của Chi nhánh Công ty S về việc yêu cầu Công ty Tuệ M phải trả số vỏ chai và để kết.

Ngày 18/4/2025 bà Lê Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn Công ty Tuệ M là không có cơ sở, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án số 198/2024/KDTM-ST ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân Quận 1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của phía nguyên đơn và bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Tuệ M còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn Công ty S ông Phạm Hữu Đ có đơn đề ngày 22/4/2025 yêu cầu xét xử vắng mặt. Bà Lê Thị T đại diện hợp pháp của Công ty Tuệ M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 18/4/2025, căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

Bị đơn Công ty Tuệ M kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Chi nhánh Công ty S, cụ thể là buộc Công ty Tuệ M thanh toán cho Chi nhánh Công ty S số tiền hàng còn nợ là 70.514.806 đồng, bác yêu cầu của Chi nhánh Công ty S về việc yêu cầu Công ty Tuệ M phải trả số vỏ chai và đế két- HĐXX nhận thấy:

Bị đơn Công ty Tuệ M thừa nhận ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty Tuệ M và Chi nhánh Công ty S ký hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm số: LDMS.117.2018 và các phụ đính kèm, để nhận phân phối sản phẩm nước giải khát cho Chi nhánh Công ty S, hợp đồng được giao kết là tự nguyện, đảm bảo điều kiện về hình thức và nội dung của hợp đồng, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên phát sinh hiệu lực là phù hợp quy định tại các Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Thương mại năm 2005.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, Công ty Tuệ M và Chi nhánh Công ty S đối chiếu công nợ nhưng chưa thống nhất về số liệu.

Xét, tại biên bản hoà giải ngày 05 tháng 9 năm 2022, nguyên đơn Chi nhánh Công ty S xác định số tiền hàng bị đơn Công ty Tuệ M còn nợ là 704.714.221 đồng, được trừ vào số tiền ký quỹ là 149.430.000 đồng nên số tiền Bị đơn Công ty Tuệ M còn nợ là 555.284.221 đồng, bao gồm 241.258.721 đồng nợ tiền hàng, 213.757.500 đồng tiền nợ vỏ chai (tương đương 85.503 vỏ chai); 100.268.000 đồng tiền nợ đế nhựa.

Tại biên bản hoà giải ngày 05 tháng 9 năm 2022 tại Toà án nhân dân huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá, bị đơn Công ty Tuệ M thừa nhận còn nợ nguyên đơn Chi nhánh Công ty S số tiền 576.822.187 đồng và yêu cầu được đối trừ công nợ theo biên bản làm việc ngày 04 tháng 8 năm 2022, bị đơn Công ty Tuệ M cho rằng ngày 12 tháng 8 năm 2022, Công ty Tuệ M đã trả cho nguyên đơn Chi nhánh Công ty S số tiền 270.770.306 đồng, đồng thời yêu cầu được trừ vào tiền khuyến mãi 20.659.070 đồng, tiền hỗ trợ cận hạn sử dụng, tiền xử lý hàng hết hạn sử dụng 56.731.405 đồng, tiền bảo hiểm xã hội 10.000.000 đồng cho tháng 1 và tháng 2 năm 2022, tiền ký quỹ 149.430.000 đồng. Do đó, số tiền còn lại bị đơn Công ty Tuệ M phải trả cho Chi nhánh Công ty S là 75.411.406 đồng, riêng vỏ chai, đế nhựa bị đơn Công ty Tuệ M nhận bàn giao lại trên thị trường không nhận bàn giao trực tiếp của nguyên đơn nên bị đơn Công ty Tuệ M trả lại thị trường.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn Chi nhánh Công ty S thay đổi yêu cầu không yêu cầu bị đơn Công ty Tuệ M trả giá trị của 85.503 vỏ chai và 3.581 đế nhựa mà yêu cầu bị đơn trả bằng hiện vật.

Xét, hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm các bên đã ký và các phụ lục đính kèm không thoả thuận điều khoản bị đơn Công ty Tuệ M được hưởng khoản tiền khuyến mãi sản phẩm, tiền hỗ trợ hàng gần hết hạn sử dụng, tiền xử lý hàng hết hạn sử dụng và tiền bảo hiểm xã hội của Công ty Tuệ M; Nguyên đơn Chi nhánh Công ty S không thừa nhận Công ty Tuệ M đã trả số tiền 270.770.306 đồng và Công ty Tuệ M cũng không chứng minh được đã trả số tiền 270.770.306 đồng vào ngày 12 tháng 8 năm 2022 nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của Công ty Tuệ M. Do đó, Chi nhánh Công ty S yêu cầu Công ty Tuệ M trả tiền hàng còn nợ là 241.258.721 đồng và bàn giao số lượng 85503 vỏ chai, 3581 đế nhựa là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 172, Điều 175 Luật Thương mại 2005 nên có cơ sở để chấp nhận. Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chi nhánh Công ty S là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty Tuệ M không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, do vậy yêu cầu kháng cáo của Công ty Tuệ M không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Công ty Tuệ M, giữ nguyên bản án sơ thẩm,

đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty Tuệ M không được chấp nhận nên Công ty Tuệ M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Cùng các Điều luật đã viện dẫn;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Tuệ M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 198/2024/KDTM-ST ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân Quận 1.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Nước giải khát S Việt Nam:

1.1. Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Tuệ M trả cho Công ty TNHH Nước giải khát S Việt Nam số tiền hàng còn nợ là 241.258.721đ (hai trăm bốn mươi một triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm hai mươi một đồng) theo hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm số: LDMS.117.2018.0016 ký ngày 31 tháng 12 năm 2018 và các phụ đính, đính kèm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

1.2. Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Tuệ M trả cho Công ty TNHH Nước giải khát S Việt Nam 85.503 (tám mươi lăm nghìn, năm trăm lẻ ba) vỏ chai và 3.581 (ba nghìn, năm trăm tám mươi một) đế nhựa (kết nhựa).

[2] Về án phí kinh doanh thương mại:

[2. 1] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Tuệ M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh thương mại là 12.062.936đ (mười hai triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm ba mươi sáu đồng).

Hoàn lại cho Công ty TNHH Nước giải khát S Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 19.782.000đ (mười chín triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0010925 ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

[2.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Tuệ M phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng được trừ án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046677 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thanh Tú

